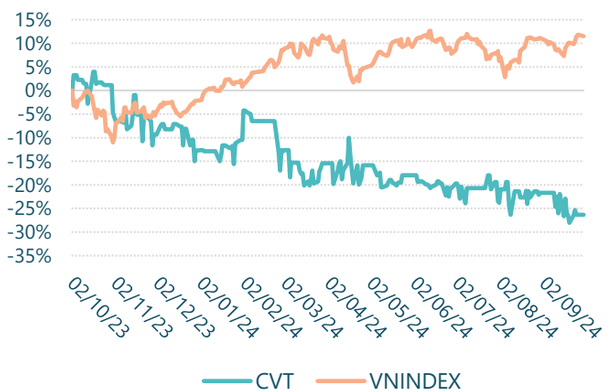
CTCP CMC (HSX: CVT)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	26,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.0%	**-7.1%**	**-12.9%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	25,400 - 36,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	954
Số lượng CPLH (CP)	36,690,887
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,830
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.37
EPS	1,418
P/E	18.3

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q3/24

456

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 24.0 | 5.7%

YoY: ▼85.0 | -15.6%

Nợ/VCSH

Q3/24

232%

YoY: +/-▼ 17.5%

LN gộp

Q3/24

68.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.40 | -10.9%

YoY: ▼29.6 | -30.1%

ROE (TTM)

Q3/24

5.5%

YoY: +/-▲ 0.7%

LN trước thuế

Q3/24

33.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.50 | 15.6%

YoY: ▲ 9.50 | 39.9%

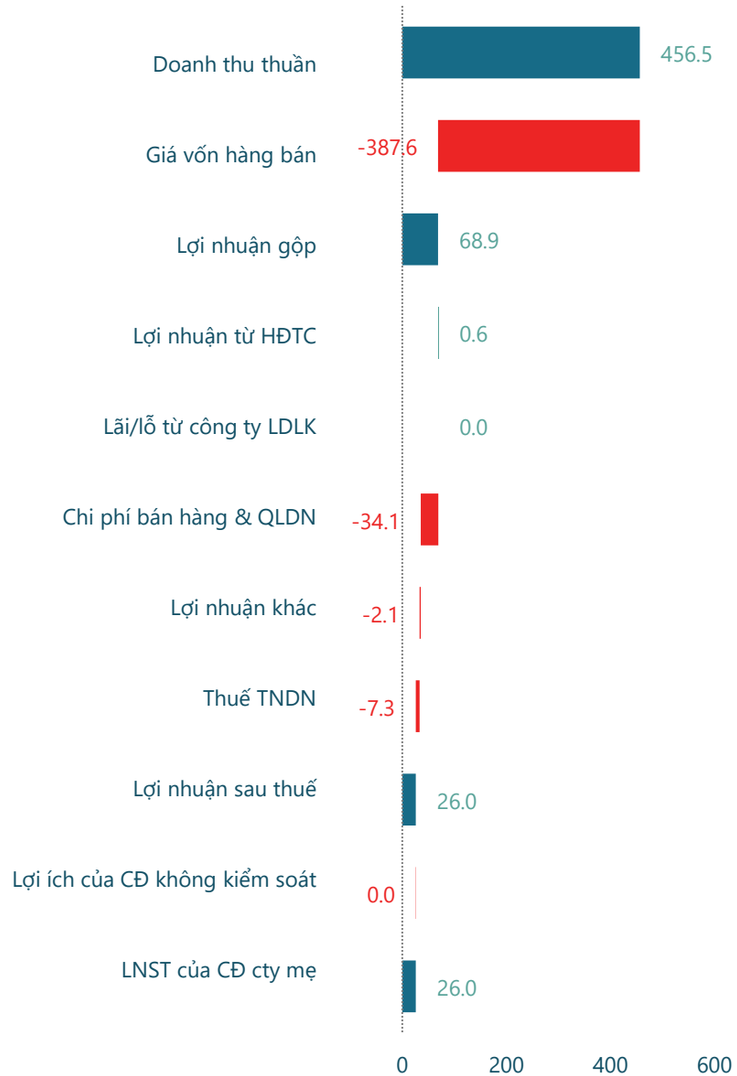
ROA (TTM)

Q3/24

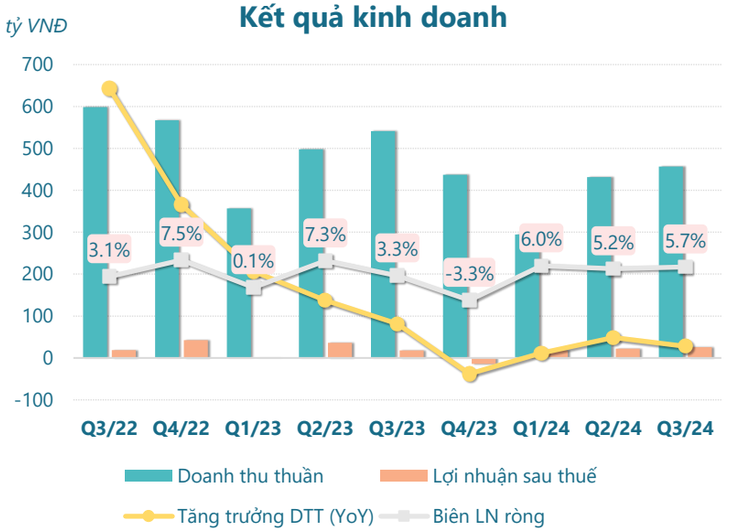
1.6%

YoY: +/-▲ 0.3%

Kết quả kinh doanh Q3/24



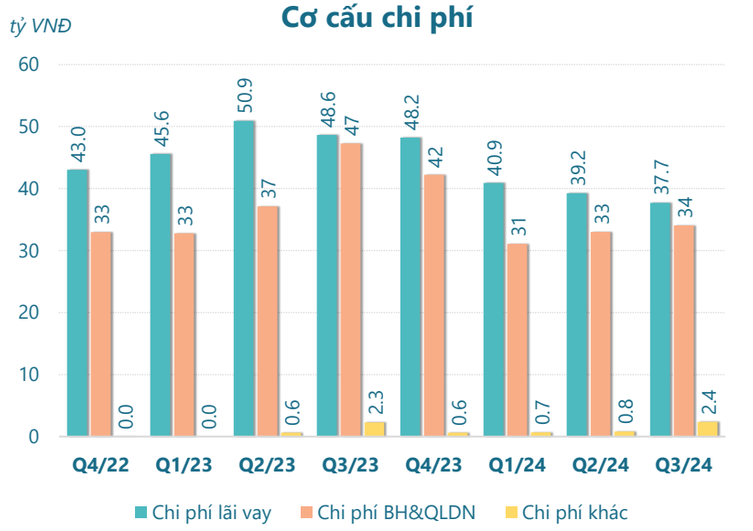
Kết quả kinh doanh



Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 35.39 tỷ đồng**, tăng thêm 19.7% so với kỳ trước và cao hơn 35.4% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.60 tỷ đồng**, tăng thêm 15.26 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 25.74 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 2.10 tỷ đồng** giảm đi 1.29 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.20 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

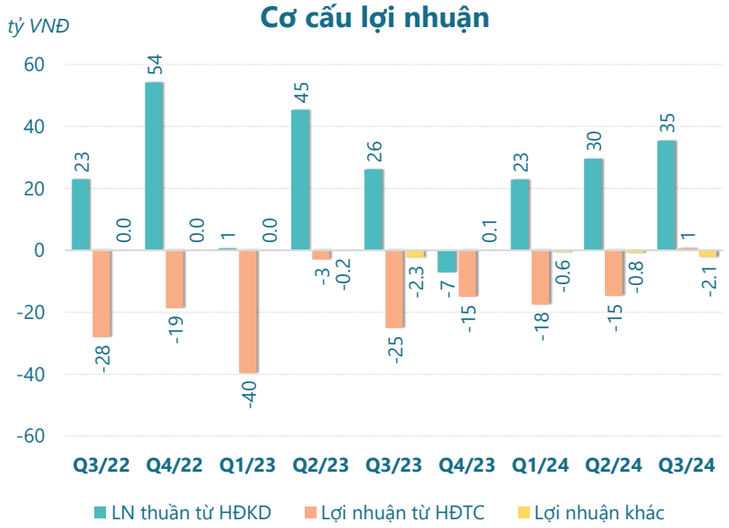
Cơ cấu chi phí



Kết quả kinh doanh của **CVT** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **456.5 tỷ đồng** giảm đi **15.6%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 26.03 tỷ đồng**, **tăng trưởng 45.3%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,183 tỷ đồng** thấp hơn 15.3% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 66.00 tỷ đồng** cao hơn 20.0% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **37.71 tỷ đồng** giảm đi 3.90% so với kỳ trước và thấp hơn 22.5% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **34.07 tỷ đồng** tăng thêm 3.12% so với kỳ trước và thấp hơn 27.9% so với cùng kỳ năm trước.

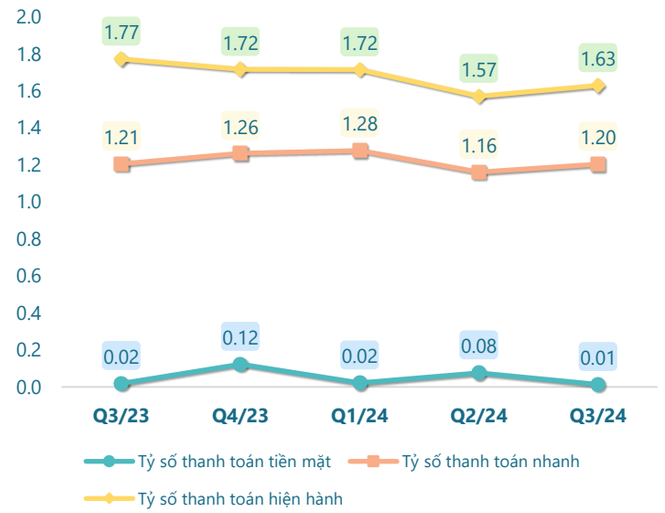
Chi phí khác bằng **2.37 tỷ đồng** tăng thêm 193% so với kỳ trước và cao hơn 3.04% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP CMC (HSX: CVT)

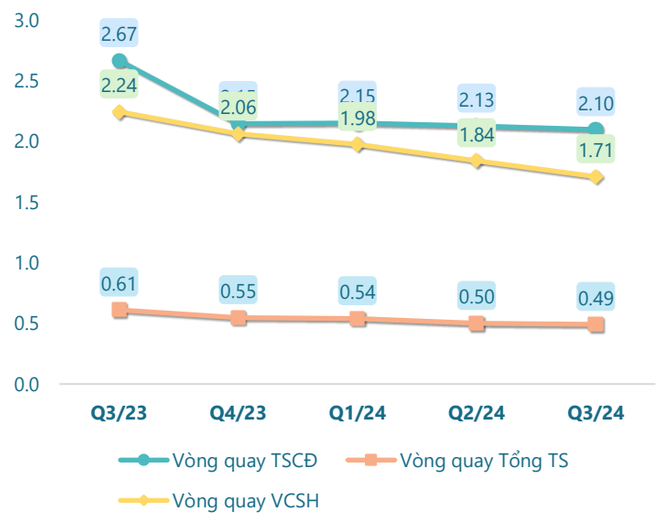
FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**456**	**432**	**5.7%**	**541**	**-15.6%**	**1,183**	**1,396**	**-15.2%**
Giá vốn hàng bán	388	354	9.5%	442	-12.3%	966	1,139	-15.2%
Lợi nhuận gộp	68.9	77.3	-10.9%	98.5	-30.1%	218	257	-15.4%
Doanh thu HĐTC	41.1	27.1	51.7%	26.8	53.4%	94.3	88.1	7.0%
Chi phí TC	40.5	41.8	-3.1%	51.9	-22.0%	126	156	-19.2%
Chi phí lãi vay	37.7	39.2	-3.8%	48.6	-22.4%	118	145	-18.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	16.5	16.4	0.9%	26.5	-37.6%	49.0	63.7	-23.1%
Chi phí QLDN	**17.5**	**16.7**	**4.9%**	**20.8**	**-15.8%**	**49.1**	**53.5**	**-8.1%**
LN thuần từ HĐKD	35.4	29.6	19.6%	26.1	35.6%	87.7	72.1	21.8%
Lợi nhuận khác	**-2.10**	**-0.81**	**-159%**	**-2.30**	**8.7%**	**-3.55**	**-2.50**	**-42.0%**
LN trước thuế	33.3	28.8	15.6%	23.8	39.9%	84.2	69.6	21.0%
Lợi nhuận sau thuế	**26.0**	**22.5**	**15.7%**	**17.9**	**45.4%**	**66.3**	**54.8**	**20.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**26.0**	**22.5**	**15.7%**	**17.9**	**45.4%**	**66.3**	**54.8**	**20.9%**

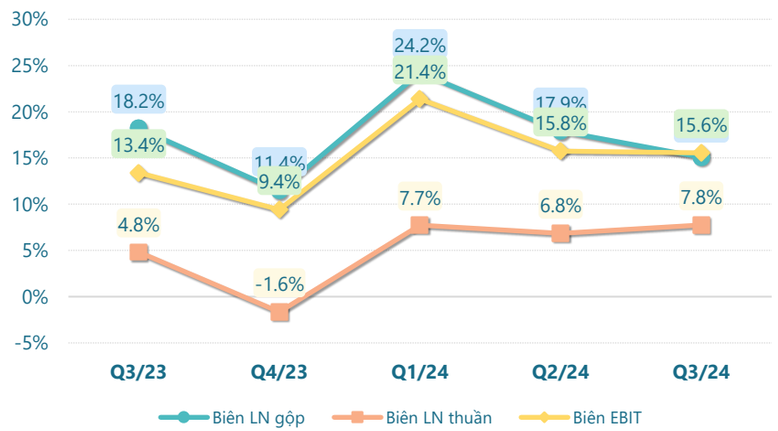
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

